

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2023 và thay thế Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./#

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng đảng của Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TCDNC, TH;
- Lưu: VT, TCDNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Quốc Huy
Trương Quốc Huy

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 63/2022/QĐ-UBND)

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn;
- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố;
- Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, làng, xóm (gọi chung là thôn) được tổ chức ở trong xã; dưới xã là thôn.

2. Tổ dân phố, tiểu khu,...(gọi chung là tổ dân phố) được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

3. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư (không phải là một cấp hành chính) có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

Mỗi thôn có trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp đặc biệt thật cần thiết: ở những thôn, tổ dân phố loại 1 có số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố quá lớn và địa bàn rộng, chia cắt thì có thể bổ trí thêm 01 phó trưởng thôn hoặc 01 tổ phó tổ dân phố. Đối với những thôn, tổ dân phố cần thiết phải bổ trí thêm phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố: Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước (quy ước) của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Trường hợp thôn, tổ dân phố có trên 350 hộ gia đình, có địa bàn dân cư sống không tập trung, cơ sở vật chất không đảm bảo để tổ chức hội nghị toàn thể thôn, tổ dân phố thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư; cuộc họp của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự; kết quả cuộc họp ở từng cụm dân cư được tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

3. Trình tự tổ chức họp dân được thực hiện theo Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

a) Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

- Quy mô số hộ gia đình:

+ Đối với thôn ở xã có từ 300 hộ gia đình trở lên;

+ Đối với tổ dân phố ở phường, thị trấn có từ 350 hộ gia đình trở lên.

- Các điều kiện khác:

Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Đối với các trường hợp đặc thù

- Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

- Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Trường hợp sáp nhập thôn, tổ dân phố

- Đối với các thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7 Quy chế này thì phải sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề;

- Đối với các thôn, tổ dân phố đạt từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7 Quy chế này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện sáp nhập;

- Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương;

- Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng thôn, tổ dân phố sáp nhập tán thành.

b) Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tên của thôn, tổ dân phố do thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã;

d) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân sinh sống tại thôn, tổ dân phố.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

a) Căn cứ nguyên tắc, điều kiện, nhu cầu thực tế và đề nghị của UBND cấp xã về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, UBND cấp huyện tổng hợp có văn bản báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của xã, phường, thị trấn thuộc địa phương.

b) Sở Nội vụ xem xét, thẩm định nhu cầu thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của UBND cấp huyện; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

2. Xây dựng đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Sau khi UBND tỉnh có văn bản đồng ý về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung của đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới gồm:

a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;

d) Các điều kiện đặc thù (nếu có) quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 7 Quy chế này;

đ) Đề xuất, kiến nghị.

3. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri tán thành và số cử tri không tán thành. Nếu trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành, UBND cấp xã hoàn chỉnh đề án trình Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện xem xét. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- b) Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- c) Biên bản lấy ý kiến và Nghị quyết của HĐND cấp xã.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có tờ trình (kèm theo 02 bộ hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của UBND cấp xã) gửi Sở Nội vụ 01 bộ, UBND tỉnh 01 bộ. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh;
- b) Hồ sơ của UBND cấp xã đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới trình UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ của UBND cấp huyện; Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo tờ trình của UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Sau khi có quyết định về chủ trương của UBND cấp huyện về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, UBND cấp xã xây dựng đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của cụm dân cư hiện có;
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố hiện có;
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có) về đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về đề án.

Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư, thôn, tổ dân phố tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp xã;
- b) Nghị quyết HĐND cấp xã;
- c) Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố;
- d) Biên bản lấy ý kiến cử tri.

Trường hợp đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Sau khi nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, Phòng Nội vụ nghiên cứu, xây dựng báo cáo thẩm định trình UBND cấp huyện.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thông qua và giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Chương III **PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Điều 11. Phân loại thôn, tổ dân phố

Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố là số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú (hàng năm) trên địa bàn thôn, tổ dân phố.

1. Thôn được phân thành 03 loại:

- a) Thôn loại 1: có từ 500 hộ gia đình trở lên;
- b) Thôn loại 2: có từ 350 hộ gia đình đến dưới 500 hộ gia đình;
- c) Thôn loại 3: có dưới 350 hộ gia đình.

2. Tổ dân phố được phân thành 03 loại:

- a) Tổ dân phố loại 1: có từ 600 hộ gia đình trở lên;
- b) Tổ dân phố loại 2: có từ 400 hộ gia đình đến dưới 600 hộ gia đình;
- c) Tổ dân phố loại 3: có dưới 400 hộ gia đình.

Điều 12. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trực thuộc, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố.

2. Trình tự, thủ tục phân loại

a) UBND cấp xã lập hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) phân loại thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện phân loại thôn, tổ dân phố;

- Báo cáo thống kê của UBND cấp xã về tổng số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú (hàng năm) theo từng thôn, tổ dân phố;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Công an cấp huyện và Chi cục thống kê tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị của UBND cấp xã, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện xin ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ về phân loại thôn, tổ dân phố theo địa bàn từng xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố, hồ sơ gồm có:

- Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện (có danh sách báo cáo số hộ gia đình và dự kiến phân loại từng thôn, tổ dân phố kèm theo);

- Biên bản họp thẩm định liên ngành: Nội vụ, Công an, Thống kê.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ có văn bản trả lời UBND cấp huyện.

đ) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Sở Nội vụ.

Điều 13. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau 05 năm, kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định phân loại lại thôn, tổ dân phố.

Trường hợp có biến động lớn về số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố (nếu đủ điều kiện để thay đổi loại thôn, tổ dân phố) thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định điều chỉnh việc phân loại theo quy định. Trình tự, thủ tục điều chỉnh như phân loại lần đầu.

2. Trường hợp cấp có thẩm quyền đã có quyết định về thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố có hiệu lực, Chủ tịch UBND cấp huyện phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định.

Chương IV
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ
VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 14. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố

1. Vị trí, vai trò

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

- Là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Là người đại diện cho nhân dân ở thôn, tổ dân phố;

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố trực tiếp bầu ra theo nhiệm kỳ và được UBND cấp xã ban hành quyết định công nhận.

b) Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố

- Là người giúp việc cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

- Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố do trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn (sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố) và được UBND cấp xã ban hành quyết định công nhận.

2. Nhiệm vụ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của UBND cấp xã, dưới sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố và báo cáo trước hội nghị của thôn, tổ dân phố theo định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu công việc;

b) Triệu tập và chủ trì các hội nghị thôn, tổ dân phố theo Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN và quy định tại Điều 6, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ;

c) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước (quy ước) của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố. Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND cấp xã;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để triển khai thực hiện các công việc do các tổ chức này phát động;

e) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với UBND cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.

3. Quyền hạn

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố bàn và quyết định bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp;

b) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố.

c) Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ do trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố điều hành, giải quyết công việc khi được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

Điều 15. Tiêu chuẩn trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố

1. Là công dân từ đủ 21 tuổi trở lên, có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao; nhiệt tình, trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

2. Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Trường hợp đặc biệt (thiếu nguồn nhân sự ứng cử): có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; UBND cấp xã xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

3. Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

4. Có kiến thức văn hóa, kinh nghiệm và năng lực tổ chức và vận động nhân dân; được nhân dân tín nhiệm.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng theo các quy định hiện hành.

Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố được hưởng mức bồi dưỡng đối với người tham gia trực tiếp công việc của thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; kinh phí từ nguồn hỗ trợ hoạt động cho các thôn, tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết về hoạt động của thôn, tổ dân phố. Khi hoàn thành nhiệm vụ được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

Điều 17. Nhiệm kỳ của trưởng thôn, tổ trưởng dân phố và phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là 2 năm rưỡi (2 năm 6 tháng);

2. Trường hợp do thành lập mới, nhập, chia, tách thôn, tổ dân phố hoặc khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới, trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày có quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng dân phố.

3. Nhiệm kỳ của phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 18. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

1. Công bố ngày bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố: chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, UBND cấp xã công bố ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

2. Chuẩn bị danh sách nhân sự bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố: chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận dự kiến danh sách ứng cử, báo cáo với chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất và công khai người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

3. Thành lập tổ bầu cử: chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập tổ bầu cử (Trưởng ban công tác Mặt trận là tổ trưởng tổ bầu cử; thư ký và các thành viên tổ bầu cử là đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và đại diện cử tri ở thôn, tổ dân phố); nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

4. Lập và niêm yết danh sách cử tri: chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, UBND cấp xã quyết định việc lập danh sách cử tri theo thành phần cử tri tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; tổ bầu cử có trách nhiệm lập và niêm yết danh sách cử tri theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử, công khai để nhân dân ở thôn, tổ dân phố biết.

5. Hình thức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố: chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định hình thức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố: bầu tại Hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức cuộc bầu cử riêng và công bố công khai cho người dân ở thôn, tổ dân phố.

6. Tổ chức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

a) Bầu cử theo hình thức tại hội nghị thôn, tổ dân phố: quy trình và thủ tục bầu cử thực hiện theo Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

b) Bầu cử theo hình thức tổ chức cuộc bầu cử riêng thực hiện theo Điều 19 Quy chế này.

Điều 19. Tổ chức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thành cuộc bầu cử riêng

1. Tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

a) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định ngày tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trước ít nhất 05 ngày tính đến ngày bầu cử và phải báo cáo UBND cấp xã;

Tổ bầu cử thông báo đến các cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

b) Hội nghị tiến hành theo trình tự sau:

- Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị: công bố quyết định ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử;

- Tổ trưởng tổ bầu cử giới thiệu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

- Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

- Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và chỉ ủy chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất. Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

- Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành;

- Tổ bầu cử lập biên bản hội nghị và báo cáo danh sách người ứng cử về UBND cấp xã để chuẩn bị phiếu bầu.

2. Tổ chức ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

a) Những công việc chuẩn bị cho ngày bầu cử:

- UBND cấp xã thông báo ngày, giờ, địa điểm tổ chức bầu cử, thể lệ bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trên loa truyền thanh; xây dựng kế hoạch bảo vệ và bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bầu cử đặc biệt là nơi để hòm phiếu;

- Tổ bầu cử cùng với cán bộ các tổ chức, đoàn thể trong thôn, tổ dân phố họp bàn phân công nhiệm vụ cụ thể từng người, ấn định thời gian hoàn thành,

nhận phiếu bầu cử từ UBND cấp xã, chuẩn bị hòm phiếu, phối hợp với UBND cấp xã thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bầu cử.

b) Tổ chức ngày bầu cử:

- Cuộc bỏ phiếu tiến hành từ 07h00' đến 11h00' cùng ngày. Trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng thời gian kết thúc không quá 17h00' cùng ngày;

- Tổ trưởng tổ bầu cử mời một số cử tri cao tuổi, cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể và một số cử tri trong thôn, tổ dân phố tới dự khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tổ bầu cử làm lễ chào cờ khi tiến hành khai mạc cuộc bỏ phiếu;

- Tổ trưởng Tổ bầu cử đọc lời khai mạc cuộc bỏ phiếu;

- Trước khi tiến hành bỏ phiếu tổ trưởng tổ bầu cử mời hai cử tri không phải người ứng cử chứng kiến việc kiểm tra và niêm phong hòm phiếu;

- Trong ngày bỏ phiếu tổ bầu cử phối hợp với cán bộ các đoàn thể tổ chức vận động các cử tri đi bỏ phiếu đảm bảo đúng quy định;

- Trong ngày bầu cử cuộc bỏ phiếu phải tiến hành liên tục, nếu có khiếu nại của cử tri thì tổ bầu cử giải quyết khẩn trương, nếu khó khăn phức tạp thì báo cáo về UBND cấp xã để giải quyết. Trong trường hợp xảy ra sự việc phức tạp làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì tổ bầu cử lập tức niêm phong giấy tờ và hòm phiếu, báo cáo UBND cấp xã đồng thời có kế hoạch khắc phục khó khăn để tiếp tục cuộc bỏ phiếu;

- Khi hết giờ bỏ phiếu, nếu còn cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà chưa kịp bỏ phiếu thì sau khi số cử tri này bỏ phiếu xong, tổ bầu cử mới được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu;

- Sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc, tổ bầu cử phải tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu;

Trước khi mở hòm phiếu, tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời hai cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

c) Lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo kết quả bầu cử, công nhận người trúng cử

- Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố. Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên tổ bầu cử.

- Người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố và là người có số phiếu bầu cao hơn.

- Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo biên bản kiểm phiếu về UBND cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; công bố kết quả bầu cử, thông báo công khai tới nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

3. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do UBND cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, UBND cấp xã phải tổ chức bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 20. Miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do nguyện vọng cá nhân hoặc lý do khác.

2. Thủ tục miễn nhiệm, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

a) Người miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn nhiệm gửi Chủ tịch UBND cấp xã; trong trường hợp được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm.

b) Hình thức thực hiện miễn nhiệm được thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

Hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

3. Trình tự hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

c) Hội nghị thảo luận đánh giá quá trình hoạt động của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

d) Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu có từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

đ) Trong trường hợp hội nghị có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo UBND cấp xã xem xét, quyết định miễn nhiệm.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới. Trường hợp UBND cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 21. Bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố bị bãi nhiệm khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của UBND cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì cử tri tiến hành bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

a) Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc có đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì UBND cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

b) Hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự và mời đại diện UBND cấp xã và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tham dự, khách mời được phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan, chủ quan và các biện pháp khắc phục. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến.

d) Hội nghị tiến hành biểu quyết việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu có từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

Trong trường hợp hội nghị có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo UBND cấp xã xem xét, quyết định bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố về việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, UBND cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới. Trường hợp UBND cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ

a) Thẩm định về việc thành lập, sáp nhập, đổi tên, giải thể thôn, tổ dân phố, chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

b) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Tổ chức phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định; quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo đúng trình tự quy định;

b) Chỉ đạo kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này; định kỳ đến ngày 15/12 hằng năm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và việc thực hiện Quy chế này.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện những vấn đề chưa hợp lý các địa phương, đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.